

BÁO CÁO
tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm,
nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Chấp hành đảng bộ Tỉnh khóa XI năm 2022, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 trong bối cảnh có thuận lợi đan xen nhiều khó khăn, thách thức. Cả nước đang ra sức vừa kiểm soát đại dịch COVID-19 vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Ngay từ đầu năm, toàn hệ thống chính trị đã vào cuộc phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau suy thoái do đại dịch COVID-19 năm 2021. UBND Tỉnh đã chỉ đạo thực hiện mục tiêu kép “*vừa phòng, chống dịch bệnh vừa phát triển kinh tế - xã hội*” đạt nhiều kết quả quan trọng, kiểm soát tốt tình hình dịch COVID-19, người dân, doanh nghiệp an tâm sinh sống và sản xuất, kinh doanh. Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đều có chuyển biến tích cực. Cụ thể kết quả đạt được trên từng lĩnh vực như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG NĂM 2022

1. Công tác phòng, chống dịch COVID-19

Hệ thống y tế từ cấp Tỉnh đến cơ sở được củng cố, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 các cấp được kiện toàn, phù hợp với tình hình mới, bảo đảm an ninh và an toàn trong hoạt động du lịch dịp nghỉ lễ, tết đầu năm. Dịch bệnh cơ bản được kiểm soát (*143/143 xã, phường, thị trấn có tình hình dịch xếp cấp độ 1, nguy cơ thấp*) nhưng tỉnh không chủ quan, lơ là, tiếp tục thực hiện công tác phòng, chống dịch để bảo vệ sức khỏe người dân. Các ca chuyển nặng và tử vong giảm sâu. Việc tiêm chủng vắc xin COVID-19 tiếp tục được tập trung triển khai nhanh, kết quả tính đến ngày 08/6/2022 như sau:

- *Người từ 18 tuổi trở lên*: tiêm mũi 1 đạt **99,86%**; tiêm mũi 2 đạt **99,19%**; tiêm mũi bổ sung đạt **99,73%**; tiêm mũi mũi nhắc lại lần 1 đạt **90,57%**; tiêm mũi mũi nhắc lại lần 2 đạt **0,88%**.

- *Người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi*: tiêm mũi 1 đạt **99,81%**; tiêm mũi 2 đạt **98,92%**. *Người từ đủ 05 đến dưới 12 tuổi*: tiêm mũi 1: đạt **67,14%**; tiêm mũi 2 đạt **14,17%**.

2. Thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp gắn với xây dựng Nông thôn mới

Tình hình sản xuất nông - lâm - thủy sản cơ bản ổn định, tiêu thụ được bảo đảm do nhu cầu về lương thực, thực phẩm gia tăng trong những tháng đầu năm, đặc biệt là trong Quý II/2022. Công tác dự báo được chú trọng, thông tin kịp thời đến người dân. Nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ được nhân rộng, công tác hỗ trợ người dân sản xuất và tiêu thụ nông sản được tập trung thực hiện. Ngành nông nghiệp tiếp tục thúc đẩy triển khai các giải pháp tái cơ cấu ngành đi vào chiều sâu, phát triển cây trồng, vật nuôi an toàn, bền vững. Tập trung phát triển các ngành hàng chủ lực theo chuỗi giá trị (*lúa gạo, cá tra, cây ăn trái, sen...*), hình thành các vùng sản xuất có quy mô, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, đặc biệt chú trọng xây dựng và quảng bá thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đáp ứng theo tiêu chuẩn cao VietGap, GlobalGap... Tiếp tục nhân rộng các mô hình tiên tiến trong sản xuất, quản lý dịch bệnh, giảm chi phí giá thành, tăng chất lượng sản phẩm⁽¹⁾. Tiếp tục hỗ trợ người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có lợi ích kinh tế cao, đổi mới tổ chức sản xuất. Kết quả trong 6 tháng đầu năm, giá trị sản xuất Nông - lâm - thủy sản (*giá so sánh năm 2010*) ước đạt **20.850** tỷ đồng, tương đương so cùng kỳ và đạt **44%** kế hoạch năm, riêng giá trị tăng thêm giảm nhẹ (0,45%) so với cùng kỳ năm 2021 (*trong đó: Quý I giảm 1,8%; riêng Quý II tăng 3,44%*). Cụ thể từng ngành hàng đạt kết quả như sau:

- Tổ chức sản xuất vụ lúa Đông xuân được bảo đảm, thuận lợi về thời tiết, năng suất lúa bình quân **73,33** tạ/ha (*tăng 0,14 tạ/ha so với vụ Đông xuân 2020 - 2021, tăng 2 tạ/ha so với vụ Đông Xuân 2018 - 2019*), sản lượng đạt **1,39** triệu tấn, giảm **3,28%** so với cùng kỳ (*tương đương giảm 47.085 tấn*) do người dân giảm **6.800ha** diện tích gieo trồng. Giá trị sản xuất ngành hàng lúa gạo 6 tháng đầu năm ước đạt **6.739** tỷ đồng (*giảm 2,5% so cùng kỳ, tương ứng 173 tỷ đồng*). Toàn tỉnh đang tập trung sản xuất vụ Hè thu, với **176.154ha** diện tích lúa đã xuống giống, bằng **94,7%** kế hoạch. Các giải pháp về giống được chú trọng, khuyến khích người dân sử dụng giống xác nhận, giống lúa chất lượng cao.

- Các địa phương tiếp tục quy hoạch vùng sản xuất hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, hoa kiểng và cây ăn trái tập trung, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Hướng dẫn nông dân tổ chức sản xuất liên kết với doanh nghiệp để tiêu thụ, khuyến khích mở rộng diện tích hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày trong vụ Hè thu. Tính từ đầu năm đến nay diện tích gieo trồng đạt **20.009ha** (*bằng 58,85% so kế hoạch và giảm 0,6% so cùng kỳ, tương đương 126 ha*), chủ yếu là bắp, khoai lang, ớt và rau dưa các loại. Giá bán một số hoa màu chủ lực khả quan, cao hơn khoảng **300 - 10.000** đồng/kg so cùng kỳ. Ngành hàng hoa kiểng chuẩn bị chu đáo phục vụ nhu cầu

⁽¹⁾ Mô hình "3 giảm, 3 tăng"; "1 phải, 5 giảm"; tưới tiết kiệm nước, sử dụng máy cấy, ứng dụng cơ giới hoá và ứng dụng quy trình công nghệ mới trong sản xuất và quản lý dịch bệnh đã được áp dụng rộng rãi...

Tết, hầu hết các nhà vườn đã liên kết tiêu thụ với các thương lái khoảng 95% sản lượng, giá tiêu thụ tăng từ **10% - 60%**, nhưng diện tích xuống giống giảm ảnh hưởng đến tăng trưởng của ngành, tính chung giá trị sản xuất ngành hàng hoa kiểng 6 tháng đầu năm ước đạt **1.826** tỷ đồng, giảm **11,3%** so với cùng kỳ (*tương ứng giảm 232 tỷ đồng*). Tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm khoảng **41.310ha**, bằng **102,4%** kế hoạch (*tăng 17,49% so cùng kỳ năm 2021, tương ứng 6.150 ha*)⁽²⁾, chủ yếu là xoài, cây có múi, nhãn, mít, ổi... Ước giá trị sản xuất cây lâu năm 6 tháng đầu năm đạt **2.852** tỷ đồng, tăng **4,88%** so với cùng kỳ, trong đó, ngành hàng xoài đóng góp **1.707** tỷ đồng (*tăng 4,91% so với cùng kỳ, tương ứng tăng 80 tỷ đồng so với cùng kỳ*).

- Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm ổn định, dịch bệnh được kiểm soát tốt, giá heo giống giảm mạnh (*giảm 1,88 triệu đồng/con so cùng kỳ*) tạo điều kiện cho các hộ dân tái đầu tư chăn nuôi. Tổng đàn gia súc, gia cầm dần hồi phục và tăng trưởng, riêng đàn trâu giảm nhẹ so với cùng kỳ⁽³⁾. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi ước đạt **1.191** tỷ đồng (*bằng 43,8% kế hoạch năm và tăng 0,76%, tương ứng 9 tỷ đồng*), trong đó, ngành hàng vịt đạt **346** tỷ đồng (*tăng 25 tỷ đồng so cùng kỳ và bằng 44,4% kế hoạch*). Công tác kiểm tra việc mua bán, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm được thực hiện thường xuyên, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Các vùng nuôi thủy sản tiếp tục duy trì, diện tích thả nuôi 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 4.350 ha, tăng **5,57%** so với cùng kỳ năm 2021, bằng 64,9% kế hoạch năm, sản lượng thu hoạch đạt **327.072** tấn, tăng **5,55%** cùng kỳ năm 2021. Tính chung, giá trị sản xuất ngành thủy sản 6 tháng đầu năm ước đạt **5.189** tỷ đồng, tăng **7,45%** so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, ngành hàng cá tra đóng góp **3.423** tỷ đồng (*tăng 10,45% so với cùng kỳ, tương ứng tăng 324 tỷ đồng so cùng kỳ*). Tình hình tiêu thụ các loại thủy sản tương đối thuận lợi, giá bán cao giúp người nuôi có lãi sau 02 năm thua lỗ do dịch COVID-19⁽⁴⁾.

Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), định hướng hỗ trợ cụ thể để chuẩn hoá các sản phẩm OCOP đạt tiêu chí về tính hoàn thiện bao bì, tem truy xuất nguồn gốc điện tử. Bên cạnh triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP theo quy định của Trung ương⁽⁵⁾, UBND Tỉnh đã lồng

⁽²⁾ Diện tích cây ăn trái là 40.815 ha, cây lâu năm khác là 30 ha và kiểng lâu năm 465 ha.

⁽³⁾ Tổng đàn gia súc, gia cầm 6 tháng đầu năm: Tổng đàn trâu đạt 3.712 con (giảm 125 con), bò đạt 57.982 con (tăng 2.724 con), heo đạt 249.689 con (tăng 19.679 con), gia cầm đạt 9,61 triệu con (tăng 1,61 triệu con so với cùng kỳ).

⁽⁴⁾ Giá thành sản xuất cá tra là 24.399 đồng/kg (tăng 2.404 đồng/kg so cùng kỳ), lợi nhuận cá tra đạt 1.638 triệu đồng/ha (tăng 1.959 triệu đồng/ha so cùng kỳ); giá thành sản xuất tôm là 124.563 đồng/kg (giảm 8.448 đồng/kg so cùng kỳ), lợi nhuận 93 triệu đồng/ha (tăng 62 triệu đồng/ha so cùng kỳ); giá thành sản xuất thủy sản còn lại dao động từ 28.691-46.672 đồng/kg (tăng từ 1.822-5.718 đồng/kg so cùng kỳ), lợi nhuận đối với cá điêu hồng và ếch là 10 triệu đồng/bè-vèo (ếch tăng 4,3 triệu đồng và cá điêu hồng giảm 8,2 triệu đồng so cùng kỳ), riêng cá lóc thua lỗ 55 triệu đồng/ha (giảm 301 triệu đồng so cùng kỳ) và cá sặc rằn thua lỗ 322 triệu đồng/ha (tăng 94 triệu đồng/ha so cùng kỳ).

⁽⁵⁾ Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

ghép thực hiện **20** cơ chế, chính sách có liên quan đến phát triển các sản phẩm OCOP, sản phẩm khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có **265** sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao và 4 sao (*61 sản phẩm đạt 4 sao và 204 sản phẩm đạt 3 sao*) của **94** chủ thể⁽⁶⁾, hiện có **04** sản phẩm OCOP tiềm năng đang lập hồ sơ đề nghị Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia xét công nhận sản phẩm OCOP đạt hạng 5 sao⁽⁷⁾. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tham gia xây dựng nông thôn mới, đã công nhận thêm **06** xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số lên **103/115** xã đạt chuẩn và công nhận **10** xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Cao Lãnh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện Châu Thành và huyện Lấp Vò đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 trong xét, đánh giá và công nhận các xã đạt chuẩn từ năm 2021.

3. Phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, liên kết với các địa phương để phát triển nhanh và bền vững

Những tháng đầu năm, việc chuyển đổi phương thức phòng, chống dịch theo hướng "*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả*" đã tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi. Công tác hỗ trợ, động viên doanh nghiệp được quan tâm thực hiện. Ngành công nghiệp tiếp tục đẩy mạnh triển khai các hoạt động khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp khôi phục chuỗi cung ứng. Trong 6 tháng đầu năm, sản xuất công nghiệp có tốc độ phục hồi mạnh mẽ, toàn ngành tăng trưởng **7,32%** (*Quý I tăng 5,86%, Quý II tăng 8,75%*), trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng **6,82%**, sản xuất và phân phối điện tăng trưởng ổn định, ngành khai khoáng tăng trưởng cao chủ yếu do nhu cầu tăng mạnh. Tuy nhiên, mức tăng trưởng không đồng đều giữa các ngành hàng, các sản phẩm công nghiệp chủ lực như thủy sản chế biến, gạo, miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự, thuốc lá điếu có đầu lọc, bia, giày da, cát khai thác đều có sản lượng sản xuất tăng cao so với cùng kỳ; riêng một số sản phẩm như thức ăn chăn nuôi, sản phẩm may mặc, thuốc viên các loại giảm so với cùng kỳ do gặp khó khăn trong nguồn nguyên liệu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Hoạt động thương mại và dịch vụ phục hồi mạnh trong Quý II/2022, nhiều chương trình kết nối cung cầu, giao thương, quảng bá sản phẩm được tổ chức, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp phục hồi nhanh. Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại được tỉnh đẩy mạnh thực hiện, nhiều sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP được phân phối vào hệ thống

⁽⁶⁾ Doanh nghiệp: 42,55%; HTX: 8,51%; cơ sở sản xuất: 48,94%. Trong 6 tháng đầu năm chưa có thêm sản phẩm được công nhận.

⁽⁷⁾ Gồm sản phẩm hạt sen sấy, mít sấy của Công ty TNHH MTV Nam Huy, Bánh phồng chay cao cấp hạt sen của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Nguyên Hậu - huyện Châu Thành, xoài sấy dẻo của Công ty TNHH công nghệ thực phẩm Việt Đức - huyện Thanh Bình.

siêu thị Co.op Mart, Big C, Vin Mart bách Hóa Xanh, Tứ Sơn, Annam Gourmart Market, cửa hàng bán lẻ Vissan... Có hơn **300** mặt hàng đặc sản địa phương (hơn 80 sản phẩm OCOP) của **60** cơ sở tham gia giao dịch trên **05** sàn thương mại điện tử uy tín như Voso, Postmart, Lazada, Shopee, Sendo. Khởi động lại Trung tâm giới thiệu đặc sản và quảng bá du lịch Đồng Tháp tại Hà Nội, Trung tâm giới thiệu Ẩm thực - Đặc sản - Du lịch Đồng Tháp và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tại Phú Quốc. Các ngành dịch vụ đang trên đà phục hồi tăng trưởng, các địa điểm du lịch mở cửa hoạt động hoàn toàn từ ngày 15/3/2022, số lượt khách du lịch tăng trưởng mạnh trở lại, hoạt động vận tải hàng hóa tăng trưởng tích cực, riêng vận tải hành khách còn gặp nhiều khó khăn khi nhu cầu đi lại của người dân giảm sau dịch COVID-19. Kết quả tăng trưởng của khu vực thương mại - dịch vụ trong 6 tháng đầu năm đạt **5,47%** (Quý I tăng 0,87%, Quý II tăng 10,22%); tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt mức **54.671** tỷ đồng, tăng **9,98%** so với cùng kỳ năm 2021 và tăng **17,02%** so với cùng kỳ năm 2019 (*đạt 52,5% kế hoạch*). Các hoạt động sản xuất, dự trữ hàng hoá phục vụ Tết Nguyên đán bảo đảm phục vụ nhu cầu người dân, nguồn cung hàng hoá dồi dào và giá cả phù hợp, không xảy ra tình trạng khan hiếm các mặt hàng nhu yếu phẩm hay tăng giá đột biến làm bất ổn thị trường.

Hoạt động xuất khẩu của tỉnh tiếp tục tăng trưởng ổn định với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt **1.341** triệu USD, tăng **70,5%** so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt xuất khẩu **02** mặt hàng thủy sản và gạo có sự tăng trưởng ấn tượng (*lần lượt 71,11%, 49,96%*). Nhìn chung, các thị trường truyền thống được giữ vững và có sự dịch chuyển nhẹ từ thị trường các nước châu Á sang các nước châu Âu, xuất khẩu nông sản cũng ghi nhận bước tiến mới khi xuất khẩu thành công lô xoài đầu tiên sang thị trường Châu Âu. Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 6 tháng đầu năm (*không tính hàng hóa tạm nhập tái xuất*) đạt **834** triệu USD, tăng **57,65%** so với cùng kỳ năm 2021 và tăng **75,59%** so với cùng kỳ năm 2019. Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá 6 tháng đầu năm ước đạt **347** triệu USD, tăng **98,14%** so với cùng kỳ năm 2021 và tăng **58,88%** so với cùng kỳ năm 2019.

Hoạt động tín dụng tiếp tục được duy trì ổn định, bảo đảm nguồn vốn tín dụng cho sản xuất kinh doanh. Trong 6 tháng đầu năm 2022, tổng mức huy động vốn ước đạt **58.000** tỷ đồng, tăng **5,91%** so với cuối năm 2021, dư nợ cho vay ước đạt **87.100** tỷ đồng, tăng **8,45%** so với cuối năm 2021 góp phần thúc đẩy nhanh quá trình khôi phục và phát triển sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh để cùng phát triển bền vững, thông qua Diễn đàn kết nối sản phẩm OCOP vùng đồng bằng sông Cửu Long “*Liên kết cùng phát triển - Đồng Tháp 2022*”, Hội nghị xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP vùng đồng bằng sông Cửu Long với các nhà phân phối trong và ngoài nước, Diễn đàn kết nối du lịch giữa thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, ký kết thoả thuận chương trình hợp tác

phát triển kinh tế - xã hội giữa tỉnh Đồng Tháp và tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025 và chuẩn bị ký kết thoả thuận hợp tác giữa tỉnh Đồng Tháp và Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025.

4. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

Tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư gắn với cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp. Theo công bố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, PCI của Tỉnh năm 2021 tiếp tục giữ vững ổn định và được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, xếp vị trí thứ 3/63 tỉnh, thành phố, tiếp tục dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với 70,53 điểm. Bên cạnh đó, các Sở, ban, ngành Tỉnh và UBND huyện, thành phố cũng được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao với kết quả khảo sát DDCI năm 2021 ghi nhận nhiều chuyển biến, có 25/27 đơn vị, địa phương tăng điểm (không có đơn vị đạt dưới 70 điểm).

Môi trường kinh doanh thuận lợi gắn với việc triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ phục hồi kinh tế của Trung ương theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ và các giải pháp thiết thực của Tỉnh như: miễn, giảm thuế, phí, lệ phí; hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ đầu vào khoa học công nghệ, máy móc, thiết bị, đầu tư; phát triển hạ tầng; cải cách hành chính, đảm bảo an ninh - quốc phòng, đối ngoại... đã tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tăng mạnh. Trong 6 tháng đầu năm 2022, ước tính có 390 doanh nghiệp thành lập mới (tăng 86 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 138 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2019) với tổng vốn đăng ký khoảng 3.000 tỷ đồng (vốn tăng 465 tỷ đồng so với cùng kỳ và tăng 963 tỷ đồng so với năm 2019); có 70 doanh nghiệp giải thể (giảm 52 doanh nghiệp so với cùng kỳ 2021, tăng 06 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2019); số doanh nghiệp gặp khó khăn phải tạm thời ngừng kinh doanh là 170 doanh nghiệp (tăng 15 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 54 doanh nghiệp so với năm 2019); số doanh nghiệp tái hoạt động là 130 doanh nghiệp (tăng 27 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 65 doanh nghiệp so với cùng năm 2019), nâng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh là 4.700 doanh nghiệp (tăng 400 doanh nghiệp).

Công tác xúc tiến và kêu gọi đầu tư được tăng tốc thực hiện, nhiều nhà đầu tư đến tìm hiểu và đăng ký đầu tư như: Tập đoàn Hưng Thịnh đề xuất đầu tư dự án tại thành phố Cao Lãnh; Đoàn công tác huyện Cheorwon, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc; Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long về dự án chế biến nông sản tại huyện Tháp Mười; Tổ chức Phát triển Hà Lan SNV giới thiệu và đề xuất Dự án “Chuyển đổi chuỗi Giá trị Lúa Gạo”... đã tiếp nhận mới 47 hồ sơ đăng ký dự án đầu tư, thu hút 10 dự án đầu tư, đã chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy

chứng nhận đăng ký đầu tư cho **05** dự án, với tổng vốn đăng ký là **1.216** tỷ đồng, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho **05** dự án (cùng kỳ năm 2021 là 13 dự án, với tổng vốn đầu tư 835 tỷ đồng; cùng kỳ năm 2019 là 18 dự án, với tổng vốn đầu tư là 1.632 tỷ đồng). Đối với các dự án đăng ký đầu tư giai đoạn 2020 - 2022, đã có **16** dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư và đi vào hoạt động; **16** dự án đang triển khai xây dựng. Nhiều hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp và doanh nghiệp được tổ chức, nhất là các chương trình nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp, hợp tác xã, hội quán⁽⁸⁾; đang xem xét địa điểm đầu tư Xây dựng Không gian khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp.

Kinh tế tập thể có bước phát triển, các hợp tác xã đã khôi phục hoạt động sau dịch; có thêm **03** hợp tác xã⁽⁹⁾ và **02** hội quán thành lập mới⁽¹⁰⁾, nâng tổng số lên **215** hợp tác xã và **117** hội quán đang hoạt động. Nhiều hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ được triển khai, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; tăng cường các hoạt động liên kết doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã, hội quán nông dân với các viện nghiên cứu, trường đại học; xây dựng Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng, sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

5. Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; triển khai nhanh các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Vốn đầu tư toàn xã hội trong 6 tháng đầu năm 2022 tăng trưởng khá mạnh với **9.401** tỷ đồng, tăng **19,85%** so với cùng kỳ năm trước⁽¹¹⁾, chiếm **20,45%** so với GRDP, cho thấy tín hiệu tích cực trong việc huy động và sử dụng vốn đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2022. Tổng thu ngân sách trên địa bàn trong 6 tháng ước đạt **4.198** tỷ đồng, bằng **61,56%** dự toán năm; chi cân đối sách địa phương đạt **5.631** tỷ đồng, bằng **44,02%** dự toán năm.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư công, trong Quý I đã phân khai chi tiết **100%** kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 do Tỉnh quản lý và phân bổ (4.991 tỷ đồng). Tính đến ngày 03/6/2022, tổng số công trình đầu tư

⁽⁸⁾ Tổ chức Chương trình tập huấn với các chủ đề như: “Sản xuất và bảo quản nông sản an toàn, chi phí thấp và bền vững”, “Trade Marketing - Tiếp thị tại điểm bán và Xây dựng kênh phân phối”; “Nâng cao năng lực cho nữ tổ hợp tác, hợp tác xã, sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp, khởi nghiệp năm 2022 và Định hướng phát triển sản phẩm OCOP trong giai đoạn mới; Chương trình gặp gỡ, chia sẻ với Giáo sư Phan Văn Trường chủ đề “Về quê lập nghiệp - Khởi động kinh tế quê mình”... Tổ chức buổi Tọa đàm “Giới thiệu Dự án tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC) và lợi ích của doanh nghiệp” cho các doanh nghiệp tỉnh Đồng Tháp (Dự án do Cục Phát triển doanh nghiệp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) triển khai thực hiện). Tổ chức khóa huấn luyện “Hành trình khẳng định bản lĩnh CEO” 2022; tổ chức 4 kỳ sinh hoạt “Điểm hẹn doanh nhân” và thành lập được 02 Chi hội tại Thành phố Hồng Ngự và huyện Lai Vung.

⁽⁹⁾ HTX DVNN Phú Lộc, xã Phú Lợi và HTX DVNN Thống Nhất, xã Tân Mỹ, huyện Thanh Bình; HTX DVNN Tân Thành B, xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng.

⁽¹⁰⁾ Hòa Tâm Hội quán, xã Tân Dương, huyện Lai Vung; Định Yên Hội quán, xã Định Yên, huyện Lấp Vò.

⁽¹¹⁾ Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước ước đạt 1.940 tỷ đồng, tăng 12,44% so với cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư ngoài nhà nước đạt 7.460 tỷ đồng, chiếm 79,36%, tăng 21,94% so với cùng kỳ năm trước.

đang triển khai xây dựng là **1.067** công trình. Ước tính tổng giá trị giải ngân 6 tháng đầu năm đạt **1.408** tỷ đồng, đạt **28,79%** so với vốn đã phân bổ, cao hơn **12,43%** so với cùng kỳ (*năm 2021 là 16,36%*). Phân khai vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 hơn **21.173** tỷ đồng, đạt **87,99%**⁽¹²⁾. Những khó khăn trong vấn đề cung ứng cát phục vụ xây dựng công trình, dự án trên địa bàn tỉnh và công trình trọng điểm của Trung ương qua địa bàn Tỉnh tiếp tục được tập trung tháo gỡ⁽¹³⁾. Tăng trưởng ngành xây dựng trong 6 tháng đầu năm đạt **6,02%**. Tiếp tục tập trung triển khai Đề án đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Việc thực hiện đô thị thông minh và các dự án đầu tư xây dựng đô thị thông minh được tỉnh Đồng Tháp lồng ghép thực hiện vào các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự.

Tập trung thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, chủ động phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường trong mùa mưa, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực môi trường. Tỷ lệ các thành phần tư nhân tham gia vào công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ngày càng cao. Hoàn thành và lập hồ sơ đề nghị chứng nhận xóa tên khỏi danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong năm 2022⁽¹⁴⁾, thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm môi trường tại khu xử lý Đập Đá, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh. Trong 06 tháng đầu năm không có xảy ra các tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Chỉ số thành phần Quản trị môi trường (thuộc bộ Chỉ số PAPI năm 2021) đạt **4,73** điểm tiếp tục đứng đầu cả nước 02 năm liên tục cho thấy những nỗ lực trong công tác bảo vệ môi trường thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã có những bước tiến bộ tích cực. Bên cạnh đó, tiếp tục đẩy nhanh việc triển khai dự án Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) tỉnh Đồng Tháp, nhiệm vụ xây dựng và cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đánh giá khí hậu

⁽¹²⁾ Số vốn đủ điều kiện giao đợt 2: 620,1 tỷ đồng (gồm: 392,450 tỷ đồng vốn XSKT và 227,650 tỷ đồng vốn NSTT). Số vốn đã đủ điều kiện giao chi tiết nhưng chờ Trung ương thông báo mức vốn NSTW hỗ trợ để phân bổ chi tiết: 620 tỷ đồng. Dự kiến bố trí cho các dự án sau: (1) Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, Thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2): 570 tỷ đồng; (2) Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 3): 50 tỷ đồng (Trung ương đã giao vốn ở đợt 2 là 150 tỷ đồng). *Đến nay, tổng số vốn giai đoạn 2021-2025 dự kiến phân bổ là 22.281,461 tỷ đồng, đạt 92,6% kế hoạch.* Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ (dự kiến đợt tiếp theo) là 1.648,694 tỷ đồng. Bao gồm: Vốn ngân sách Tỉnh quản lý và phân bổ: 1.248,694 tỷ đồng. Vốn ngân sách Trung ương: 400 tỷ đồng.

⁽¹³⁾ Quyết định số 556/QĐ-UBND-HC ngày 26/05/2022 về việc điều chỉnh công suất cho phép khai thác tại Điều 1 của Giấy phép khai thác khoáng sản số 424/GP-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp khai thác cát san lấp tại mỏ cát trên sông Tiền thuộc xã Tân Thuận Tây; Quyết định số 547/QĐ-UBND-HC 25/05/2022 về việc điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép khai thác khoáng sản số 838/GP-UBND ngày 30/6/2021 và Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản số 1918/QĐ-UBND-HC ngày 20/12/2021 cấp cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp khai thác cát sông tại các khu vực mỏ cát đoạn từ Hồng Ngự - Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

⁽¹⁴⁾ Giao **Sở Lao động, Thương binh và Xã hội** khẩn trương thực hiện 02 dự án: Trung tâm Giáo dục, lao động và xã hội Đồng Tháp và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đồng Tháp; **UBND huyện Cao Lãnh** khẩn trương thực hiện dự án Khu xử lý Đập Đá, huyện Cao Lãnh; **UBND huyện Lai Vung** khẩn trương thực hiện dự án Khu xử lý Hòa Thành; **UBND huyện Thanh Bình** khẩn trương thực hiện dự án Bãi rác Tân Phú; **UBND thành phố Sa Đéc** khẩn trương thực hiện 02 dự án: Bãi rác Tân Phú Đông và Làng bột chăn nuôi heo xã Tân Phú Đông.

tỉnh Đồng Tháp. Tập trung công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án trên địa bàn Tỉnh. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước và khoáng sản từng bước được chấn chỉnh đi vào nề nếp đúng theo quy định của pháp luật, tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương.

Bên cạnh đó, Tỉnh đã ban hành thêm các chính sách đầu tư, huy động nguồn lực đầu tư phát triển các lĩnh vực như: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu; đầu tư dự án Cụm công nghiệp Quảng Khánh; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách của các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp từ năm 2022; ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022 - 2026 và các chính sách liên quan đến lĩnh vực y tế, giáo dục, giảm nghèo. Tiếp tục triển khai hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Tân Kiêu; thực hiện quy trình tổ chức lấy ý kiến dân về đồ án quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Ba Sao; đang hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn mở rộng. Thực hiện thủ tục triển khai đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Quảng Khánh giai đoạn 1 và chủ trương đầu tư dự án Cụm công nghiệp Quảng Khánh giai đoạn 2.

6. Nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; đổi mới công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng Kế hoạch Phát triển Giáo dục tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025. Triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo quy định. Hoạt động dạy và học đã khôi phục hoàn toàn. Tỷ lệ học sinh đến trường cao hơn nhiều so với kết quả khảo sát ý kiến phụ huynh học sinh; tỷ lệ trẻ ra lớp học trực tiếp ở bậc mầm non tăng cao so với đầu năm nhưng vẫn còn thấp so với năm học 2020 - 2021⁽¹⁵⁾. Nhìn chung, ngành giáo dục đã nỗ lực và bảo đảm được chất lượng dạy và học trong năm học 2021 - 2022 và kết thúc năm học theo lộ trình đã đề ra đối với cấp THCS, THPT và giáo dục thường xuyên, riêng cấp Tiểu học và Mầm non điều chỉnh kéo dài thêm thời gian kết thúc năm học để bảo đảm việc trang bị đủ các kiến thức và kỹ năng cơ bản, cốt lõi cho học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục quan tâm tăng cường cơ sở vật chất tại các trường học, tạo tiền đề cho nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các ngành học, cấp học, lũy kế đến nay có 358 trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học⁽¹⁶⁾, tăng thêm 17 trường so với năm học 2020 - 2021. Triển khai Nghị quyết số 83/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc

⁽¹⁵⁾ Trong đó, nhà trẻ 16,77% (năm học 2020-2021 là 24,71%); mẫu giáo 3-5 tuổi 75,22% (năm học 2020-2021 là 84,59%); mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,42%; tiểu học 99,99% (năm học 2020-2021 là 100%); THCS đạt 98,14%; THPT 67,82%. Tỷ lệ học sinh vào học các lớp đầu cấp: lớp 1 đạt 99,99%; lớp 6 đạt 99,78%; lớp 10 đạt 99,60%.

⁽¹⁶⁾ Trong đó, mầm non: 103/176 trường đạt chuẩn (58,52%), trong đó, có 48/176 trường đạt chuẩn mức độ 2 (27,27%); Phổ thông: (1) Cấp Tiểu học 143/254 trường đạt chuẩn mức độ 1 (56,3%). Có 24/254 trường đạt chuẩn mức độ 2 (9,49%), (2) Cấp THCS, 81/134 trường đạt chuẩn (60,45%), (3) Cấp THPT, 31/43 trường đạt chuẩn (72,09%).

không thu học phí học kỳ I năm học 2021 - 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 73/2021/NQ-HĐND về kéo dài thời gian áp dụng Nghị quyết số 334/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông công lập, học viên tại các cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Đa dạng hoá hình thức đào tạo nghề theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh đã tuyển sinh **2.757/15.000** học viên, đạt **18,38%** kế hoạch năm. Quan tâm theo dõi và bảo vệ quyền lợi của người lao động, quyết định cho **7.177** lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp, với số tiền là **126.885** triệu đồng. Hướng dẫn các đơn vị và doanh nghiệp thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động. Kết nối cung cầu lao động, từ đầu năm đến nay đã tổ chức 10 phiên giao dịch việc làm; đào tạo ngoại ngữ - giáo dục định hướng và chờ xuất cảnh cho **1.324** học viên, tuyên truyền khuyến khích người lao động tham gia chương trình đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2022 có khoảng **24.055** lao động được hỗ trợ tìm việc làm (*đạt 80,2% so chỉ tiêu kế hoạch*), đã tổ chức cho trong đó có **820** lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng (*đạt 54,7% kế hoạch năm*)⁽¹⁷⁾.

7. Thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội

Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Tiếp tục phát triển hệ thống hội chẩn y tế từ xa, đã có **16** cơ sở y tế trong tỉnh tham gia. Hệ thống quản lý thông tin ngành Y tế đi vào hoạt động đã thực hiện kết nối và chuẩn hóa dữ liệu từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, tạo lập được kho hồ sơ y tế điện tử 1,19 triệu dân. Quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, nâng cao công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở khám chữa bệnh ở những nơi cần thiết; bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp **700** giường bệnh đang trong giai đoạn hoàn thành; đầu tư, nâng cấp cơ sở Bệnh viện Sản - Nhi, Bệnh viện Y học Cổ truyền, Bệnh viện Đa khoa khu vực Tháp Mười, nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò và Tân Hồng bằng nguồn kinh phí do Trung ương phân bổ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Toàn tỉnh hiện có 4.654 giường bệnh đạt tỷ lệ 29,0 giường bệnh/vạn dân (*trong đó tỷ lệ giường bệnh công lập/10.000 dân là 26,1*). Nhân lực ngành y tế được tăng cường về số lượng và trình độ chuyên môn. Một số chỉ số về nhân lực y tế đạt mức khá cao, có **9,31** bác sĩ/vạn dân, **4,73** dược sĩ/vạn dân, **100%** xã có Trạm Y tế đạt chuẩn quốc gia

⁽¹⁷⁾ Trong đó: thị trường Nhật Bản 760, Hàn Quốc 59, Đài Loan 01.

về y tế, có bác sĩ, có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi và **100%** khám, áp có nhân viên y tế đạt chuẩn.

Tình hình bệnh truyền nhiễm (ngoài COVID-19) được kiểm soát tốt, số cas mắc thấp hơn so với cùng kỳ, riêng sốt xuất huyết có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp trong mùa mưa (1.085 ca, tăng 195,49% so với cùng kỳ năm 2021), tỉnh đang tiếp tục tập trung xử lý ổ dịch, phun mở rộng bán kính tại các ổ dịch của những điểm nóng, giám sát hoạt động tại các điểm nóng. Tình hình an toàn thực phẩm trên địa bàn Tỉnh cũng được đảm bảo, không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn Tỉnh.

Quan tâm theo dõi và bảo vệ quyền lợi của người lao động, vận động tham gia bảo hiểm xã hội, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội 6 tháng đầu năm 2022 đạt **12,2%**. Quyết định cho **7.177** người hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng số tiền hơn **126** tỷ đồng; lao động tại các doanh nghiệp được quan tâm, chăm lo lương và thưởng Tết, ngày lễ đầy đủ theo quy định. Đảm bảo chính sách cho người có công, hoàn thành **420** căn nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách (đạt 97,6%). Tổ chức thăm tặng quà đối với người có công với cách mạng và gia đình chính sách nhân dịp Tết nguyên đán năm 2022 từ các nguồn kinh phí, tổng số **66.138** lượt đối tượng, với số tiền hơn **17** tỷ đồng.

Toàn Tỉnh đã thực hiện tổng điều tra, rà soát, đánh giá biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định, kết quả rà soát có **13.971** hộ nghèo, chiếm tỷ lệ **3,13%** và **22.767** hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 5,09%. Tỉnh tiếp tục tập trung tăng cường chỉ đạo triển khai các chính sách hỗ trợ các hộ dân thoát nghèo, cải thiện đời sống theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030*”, đã cấp **96.410** thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình; miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho **15.514** học sinh; hỗ trợ xây mới **20** căn nhà đại đoàn kết. Đồng thời quan tâm công tác trẻ em, thực hiện bình đẳng giới, đã thăm hỏi, trao tặng **1.745** suất quà cho **1.445** lượt trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nhiễm COVID-19 và trẻ em mồ côi cha, mẹ do dịch bệnh COVID-19.

8. Phát triển văn hoá, thể thao, từng bước khôi phục lại hoạt động du lịch gắn với tạo dựng hình ảnh Đồng Tháp

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao trên địa bàn Tỉnh được khôi phục với nhiều hoạt động sôi nổi gắn với tạo dựng hình ảnh địa phương và xây dựng văn hoá, con người Đồng Tháp nghĩa tình, năng động, sáng tạo đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần trong nhân dân, nổi bật với các sự kiện Mừng Đảng - Mừng Xuân Nhâm Dần năm 2022, Lễ kỷ niệm 30 năm Khu di tích Xẻo Quít được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia, Lễ hội Vía bà Chúa xứ tại Khu di tích Gò Tháp năm 2022, Lễ hội Sen tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, khánh thành Nhà trưng bày “Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng Việt

Nam”... Triển khai Đề án phát triển văn hóa đọc trên địa bàn Tỉnh, tổ chức chương trình Ngày sách và Văn hóa đọc lần thứ nhất tỉnh Đồng Tháp năm 2022. Tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp xã, cấp huyện, các môn thi đấu, tiến tới tổ chức Lễ khai mạc Đại hội thể dục thể thao Tỉnh lần thứ IX năm 2022. Thể thao thành tích cao tiếp tục đạt kết tích cực, với **59** huy chương các loại⁽¹⁸⁾ tại **26** giải mở rộng khu vực, quốc gia, Đông Nam Á.

Ngành du lịch được khôi phục trong điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, với chủ đề “*Du lịch an toàn - Trải nghiệm trọn vẹn*” đáp ứng nhu cầu khách trong nước. Với nhiều giải pháp kích cầu du lịch, tính chung trong 6 tháng đầu năm 2022, các điểm du lịch đã thu hút **2** triệu lượt khách đến tham quan, tăng **78,57%** so với cùng kỳ năm 2021, doanh thu du lịch đạt cao với **800** tỷ đồng, tăng **124,72%** so với cùng kỳ năm 2021.

9. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cải cách hành chính; giữ vững quốc phòng, an ninh; chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế

Công tác tiếp công dân theo quy định được quan tâm và thực hiện nghiêm túc, tình hình khiếu nại, tố cáo của người dân giảm **11,76%** so với cùng kỳ năm 2021. Chủ động tiến hành kiểm tra, rà soát và tổ chức đối thoại công khai, dân chủ với từng hộ dân khiếu nại, vận dụng nhiều chính sách để áp dụng trong quá trình giải quyết khiếu nại, nhằm bảo đảm quyền lợi của người dân và an sinh, xã hội. Quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, tập trung trên các lĩnh vực nhạy cảm, nhất là lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng, mua sắm công, thị trường bất động sản, ngân hàng... Trong 6 tháng đầu năm, qua rà soát, theo dõi chưa phát hiện hành vi tham nhũng.

Tỉnh tiếp tục chú trọng triển khai các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng chính quyền thân thiện, phục vụ Nhân dân. Niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với điều hành, phục vụ của tỉnh tiếp tục ở mức cao. Thông qua kết quả các chỉ số PAPI⁽¹⁹⁾, PAR Index⁽²⁰⁾, PCI năm 2021 và những năm gần đây, các ngành, các cấp đã thực hiện rà soát, đánh giá toàn diện, tập trung tháo gỡ những vướng mắc, khắc phục những hạn chế, tồn tại và đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể trong năm 2022. Trong 6 tháng đầu năm, tỉnh đã thực hiện rà soát, cập nhật, đồng bộ

⁽¹⁸⁾ Kết quả tại Sea Games 31: 01 HCV, 03 HCB và 06 HCD; Đá cầu Đồng Tháp xếp hạng nhất toàn đoàn giải vô địch các CLB quốc gia 2022; vận động viên Xe đạp trẻ Đồng Tháp Nguyễn Thị Bé Hồng đạt Huy chương Đồng Giải Xe đạp Châu Á; 02 vận động viên là Phạm Minh Nhật đạt Huy chương Bạc ở nội dung đồng đội nam và Trang Cẩm Lành đạt Huy chương Đồng ở nội dung đồng đội nữ tại Giải vô địch Karate Đông Nam Á, giúp Đội tuyển Karate Việt Nam xuất sắc giành Ngôi nhất toàn đoàn.

⁽¹⁹⁾ PAPI tỉnh Đồng Tháp năm 2021 đạt 42,43 điểm (giảm 4,53 điểm so với năm 2020), xếp hạng 27/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (giảm 25 bậc so với năm 2020). Xếp hạng hai so với khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long (xếp sau tỉnh Bạc Liêu).

⁽²⁰⁾ PAR Index tỉnh Đồng Tháp 2021 xếp hạng 26/63 tỉnh, thành phố (năm 2020 xếp hạng 5) với tổng điểm đạt được là 86,80%, tăng 0,03% so với năm 2020 (đạt 86,77%), xếp thứ 03 khu vực đồng bằng sông Cửu Long; SIPAS 2021 của Tỉnh xếp hạng 15/63 (năm 2020 xếp hạng 12) với tổng điểm đạt được là 89,15%, tăng 0,09% so với năm 2020 (đạt 89,06%), xếp thứ 02 khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

dữ liệu phục vụ theo dõi, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính; tiếp tục thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các cơ quan, địa phương khắc phục hạn chế qua kiểm tra việc thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công; thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, địa phương nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục việc giải quyết thủ tục hành chính bị trễ hạn, quá hạn và thái độ của công chức, viên chức khi tiếp xúc công dân, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương bị phản ánh, kiến nghị tổ chức phê bình, kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan nội dung phản ánh về thái độ, hành vi của công chức. Thúc đẩy triển khai các mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính⁽²¹⁾.

Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2022, Tổng đài Thông tin dịch vụ công 1022 Đồng Tháp đã tiếp nhận **2.400** phản ánh, kiến nghị, hỏi đáp thông tin của tổ chức, công dân và đã xử lý **2.377** phản ánh kiến nghị, đạt **99,04%**. Qua đó, có **2.288/2.289** tổ chức, cá nhân đánh giá hài lòng về kết quả giải quyết hoặc thông tin phản hồi là hữu ích, đạt **99,9%**. Từ đầu năm đến nay, đã tiếp nhận **53.674** hồ sơ thủ tục hành chính, có **11.384** hồ sơ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, đạt **22,38%**; tổng số hồ sơ được xem xét, giải quyết đúng và trước hạn là **51.791**, đạt **99,86%**, **73** hồ sơ giải quyết trễ hạn, chiếm **0,14%**.

Tình hình an ninh biên giới và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội toàn tỉnh tiếp tục được giữ vững ổn định. Việc tuyển chọn, gọi **1.526** công dân nhập ngũ vào quân đội nhân dân và công an nhân dân đạt **100%** so với chỉ tiêu. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được tập trung thực hiện tốt, giảm so với cùng kỳ năm 2021⁽²²⁾; tình hình tai nạn giao thông được kiểm chế và kéo giảm so với cùng kỳ⁽²³⁾. Công tác đối ngoại được củng cố và mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, giáo dục, y tế, quốc phòng an ninh... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Giữ vững quan hệ hợp tác hữu nghị với tỉnh Prây-veng và Ban-tây Miên-chay Vương quốc Campuchia, bảo đảm an ninh trật tự và an ninh quốc phòng khu vực biên giới.

⁽²¹⁾ Vận hành Hệ thống lấy ý kiến trong quy trình giải quyết TTHC lĩnh vực đầu tư trên địa bàn tỉnh; thực hiện kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ ứng dụng e-DongThap đến Tổng đài 1022 và đánh giá sự hài lòng của người dân qua kết quả phản hồi các phản ánh, kiến nghị từ Tổng đài 1022; hoàn thiện các kênh tra cứu tiến độ hồ sơ giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh và đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền để người dân, tổ chức biết, sử dụng; tiếp tục thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh...

⁽²²⁾ Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 132 vụ (*giảm 21 vụ so với năm 2019, giảm 30 vụ so với năm 2021*), làm chết 11 người, bị thương 41 người, tài sản xâm hại khoảng 2,23 tỷ đồng. Đã điều tra khám phá 130/132 vụ (*đạt 98,48%*), bắt 204 đối tượng, thu hồi tài sản 1,06 tỷ đồng; Triệt xóa 376 vụ (*tăng 140 vụ so với năm 2019, giảm 19 vụ so với năm 2021*), bắt 2.462 đối tượng tham gia tệ nạn cờ bạc, thu giữ khoảng 6,3 tỷ đồng. Phát hiện, bắt xử lý 291 vụ (*nhiều hơn 29 vụ so với năm 2019, giảm 30 vụ so với năm 2021*). Kiểm tra, lập biên bản xử lý 93 vụ (*giảm 14 vụ so với năm 2019, giảm 54 vụ so với năm 2021*), chủ yếu vi phạm về an toàn thực phẩm, sử dụng điện đánh bắt thủy sản và khai thác cát sông trái phép, thú y và y tế. Triệt xóa 53 vụ (*ít hơn 29 vụ so với năm 2019 và giảm 54 vụ so với năm 2021*), thu giữ 202,175 gram ma túy tổng hợp, 0,583 gam heroin. Lập hồ sơ 76 người nghiện quản lý theo Nghị định 116/2021/NĐ-CP; 67 người nghiện ma túy quản lý theo Nghị định số 120/2021/NĐ-CP.

⁽²³⁾ Trên toàn Tỉnh tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 41 vụ (*không tăng so với năm 2019 và giảm 24 vụ so với năm 2021*), làm chết 37 người (*giảm 03 người so với năm 2019 và giảm 22 người so với năm 2021*), bị thương 11 người (*giảm 10 người so với năm 2019 và giảm 20 người so với năm 2021*). Không xảy ra tai nạn giao thông đường thủy.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022 chuyển biến rõ nét và đạt được nhiều kết quả quan trọng, các tác động của chính sách, giải pháp phục hồi kinh tế - xã hội ngày càng mạnh mẽ hơn, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực tăng trưởng mạnh trong Quý II và tạo đòn bẩy bứt phá trong 6 tháng cuối năm. An sinh xã hội được đảm bảo, số người có việc làm tăng lên góp phần ổn định xã hội, củng cố niềm tin trong nhân dân và doanh nghiệp. Chất lượng giáo dục được đảm bảo, hoàn thành theo kế hoạch. Môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, năng lực sản xuất được gia tăng tạo ra nguồn cung hàng hóa và nguyên liệu khá dồi dào đáp ứng nhu cầu thị trường. Các khu vực kinh tế mang tính đầu tàu như công nghiệp, thương mại và dịch vụ tăng trưởng khá cao, riêng khu vực nông nghiệp - lâm - thủy sản duy trì sự ổn định và tập trung tái cơ cấu các ngành hàng đi vào chiều sâu, ngành thủy sản tiếp tục phát huy lợi thế, tăng trưởng khá tốt (7,45%). Tính chung 6 tháng đầu năm, kinh tế tăng trưởng 3,83% (*Quý I tăng 0,94%; Quý II tăng 7,85%*), quy mô kinh tế theo giá hiện hành đạt 45.979 tỷ đồng (*đạt 46,3% kế hoạch*); thu ngân sách nhà nước ước đạt 61,5% dự toán; kim ngạch xuất khẩu ước đạt 70,4% kế hoạch. Các chỉ tiêu văn hóa, xã hội, môi trường được chú trọng thực hiện, đạt kết quả nhất định, đặc biệt đã tổ chức thành công nhiều sự kiện quan trọng của tỉnh giúp hoạt động du lịch khôi phục nhanh, đời sống tinh thần của người dân được củng cố, công tác quảng bá hình ảnh, con người Đồng Tháp tiếp tục có nhiều bước tiến mới.

Kết quả trên là thành quả của việc chuyển hướng chiến lược đúng đắn trong công tác phòng, chống dịch, hàng loạt các chính sách, giải pháp thích ứng an toàn, linh hoạt vừa phát triển kinh tế - xã hội vừa phòng, chống dịch COVID-19 được tập trung thực hiện đồng bộ và khẩn trương. Các cấp, các ngành đã tăng cường dự báo, chủ động trong điều hành, phù hợp với bối cảnh, tình hình mới, kịp thời ứng phó với các tình huống phát sinh. Thêm vào đó, Tỉnh đã tạo được sự thống nhất trong nhận thức và sự vào cuộc của toàn hệ thống chính trị trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Các ngành, các cấp nghiêm túc triển khai các chương trình, đề án trọng tâm và công trình trọng điểm theo định hướng chỉ đạo của Tỉnh ủy tại các Nghị quyết, Kết luận chuyên đề. Trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, xử lý kịp thời, phù hợp các vấn đề phát sinh.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022 vẫn còn tồn tại, hạn chế:

- Kinh tế khôi phục nhưng tăng trưởng 6 tháng đầu năm còn thấp (*thực hiện 3,83%/KH 6,71%*), chủ yếu do Quý I tăng trưởng thấp, cả 03 khu vực kinh

tế đều chưa đạt mục tiêu tăng trưởng 6 tháng đầu năm, riêng khu vực Nông - lâm - thủy sản tăng trưởng âm do ngành hàng lúa chiếm tỷ trọng lớn nhưng quy mô sản xuất giảm (6.800ha), thịt gia cầm, heo hơi đạt thấp hơn so với cùng kỳ.

- Mặc dù các giải pháp giảm giá thành sản xuất nông nghiệp được triển khai tích cực nhưng hiệu quả sản xuất trong 6 tháng đầu năm không cao, chi phí sản xuất lĩnh vực trồng trọt tăng thêm **23 - 50%** (*giá thành sản xuất tăng bình quân 829 đồng/kg*), trong khi giá bán nhiều mặt hàng nông sản thấp, bình quân giảm 760 đồng/kg (*tương đương lợi nhuận giảm 11,4 triệu đồng/ha so cùng kỳ*). Tương tự chi phí chăn nuôi heo và gia cầm gia tăng cao làm cho các hộ nuôi thua lỗ (10.216 - 24.025 đồng/kg).

- Các doanh nghiệp tuy đã phục hồi nhưng chưa hoàn toàn, còn gặp nhiều khó khăn trong vấn đề thiếu nguồn cung lao động làm việc trong các ngành công nghiệp chế biến, may mặc, hiệu quả tổ chức sản xuất không cao do chi phí đầu vào tăng cao (*giá nguyên, nhiên vật liệu, chi phí logistics...*), thiếu hụt nguồn vốn cho duy trì và tái sản xuất, khó khăn trong việc khôi phục thị trường và tìm kiếm khách hàng.

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư công cao hơn so với cùng kỳ các năm, nhưng vẫn còn thấp, do đó việc hoàn thành chỉ tiêu giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2022 là thách thức rất lớn. Một số dự án sử dụng vốn NSTW chưa được Trung ương thông báo trong giai đoạn 2021 - 2025 nên chưa bố trí vốn trong năm 2022⁽²⁴⁾.

- Tỷ lệ trẻ ra lớp học trực tiếp ở bậc mầm non hiện nay có tăng so đầu năm nhưng vẫn còn thấp so với năm học 2020 - 2021. Các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí, an sinh - xã hội được triển khai chậm do phải đợi có văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương. Mặc dù các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh đã hoạt động trở lại nhưng hoạt động giao thương biên mậu vẫn còn rất hạn chế.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề trong đại dịch COVID-19 năm 2021, cần thời gian để khôi phục và lấy lại đà tăng trưởng. Cơ cấu khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng khá lớn, các yếu tố tăng trưởng theo sản lượng gần bão hòa, tỉnh đang tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo chiều sâu.

- Xung đột giữa Nga và Ukraine đã tạo ra những căng thẳng mới đối với chuỗi cung ứng toàn cầu và gia tăng áp lực lạm phát. Trung Quốc tiếp tục theo đuổi chiến lược “Zero Covid”, kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt dẫn đến việc chuỗi cung ứng hàng hoá tại các cửa khẩu biên giới phía Bắc bị gián đoạn. Giá

⁽²⁴⁾ Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống công dọc sông Tiền, Thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2); dự án Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 3)...

vật tư nông nghiệp, xăng dầu, nguyên vật liệu xây dựng biến động tăng, ảnh hưởng đến kết quả và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ sản xuất nông nghiệp, các đơn vị thi công công trình. Đây là các tác động chính làm kinh tế chậm phục hồi.

- Một bộ phận phụ huynh chưa an tâm cho trẻ đến trường thuộc khối mầm non.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số giải pháp trong lãnh đạo, điều hành của UBND các cấp chưa linh hoạt, chậm; chất lượng tham mưu của ngành, địa phương trong một số nhiệm vụ chưa có chiều sâu, chậm tiến độ, thiếu chủ động.

- Việc nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp tại một số ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương đôi lúc chưa nhịp nhàng, thiếu thông suốt.

- Công tác thông tin và dự báo các tác động, tình hình thị trường còn hạn chế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Dự báo 6 tháng cuối năm 2022 sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hơn thời cơ. Tình hình dịch COVID-19 vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tái bùng phát dịch. Nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm cần nỗ lực rất lớn bởi nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế trong kịch bản tăng trưởng kinh tế của tỉnh xác định từ đầu năm chưa đạt theo yêu cầu. Trong bối cảnh này, UBND Tỉnh tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bám sát kịch bản đã đề ra, rà soát thật kỹ từng chỉ tiêu cụ thể của ngành, lĩnh vực để có giải pháp căn cơ, thực hiện đạt được hiệu quả cao nhất kế hoạch đề ra đầu năm. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6 cuối năm 2022 đạt **9,89%**, để hoàn thành chỉ tiêu cả năm 2022 đạt **7%** cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, tiếp tục tập trung cho nhiệm vụ phòng, chống dịch COVID-19. Thực hiện chiến lược tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 cho các đối tượng được chỉ định tiêm theo quy định. Nâng cao năng lực điều trị, hạn chế đến mức thấp nhất các ca bệnh nặng, tử vong do COVID-19 và các nguyên nhân khác... Tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng, chống dịch của người dân, luôn phòng ngừa ngay khi đã tiêm đủ vắc xin phòng COVID-19.

2. Bám sát Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng nhân dân Tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Chương trình công tác của UBND Tỉnh để hoàn thành các dự án, đề án, văn bản trình theo quy định và đảm bảo chất lượng. Tập trung hoàn thiện

các chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo tiến độ đã đề ra (*tháng 6/2022 trình Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh, tháng 7/2022 trình Hội đồng nhân dân Tỉnh*). Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận chuyên đề của Tỉnh ủy, chú trọng phối hợp thực hiện chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương, nhanh chóng đưa Nghị quyết, Kết luận đi vào cuộc sống. Đồng thời thực hiện đánh giá sơ kết giữa kỳ tình hình thực hiện các Nghị quyết, Kết luận này. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch vốn đầu tư công, ngành, lĩnh vực năm 2023 đúng tiến độ đề ra.

3. Tăng cường dự báo, theo dõi, nắm chắc tình hình, diễn biến trong và ngoài nước liên quan tới các lĩnh vực để chủ động xử lý, giải quyết theo thẩm quyền, báo cáo kịp thời cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra từ đầu năm, nhất là Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình trên địa bàn Tỉnh. Bảo đảm các gói hỗ trợ tài chính và tiền tệ, chính sách đầu tư của Trung ương và của Tỉnh được phổ biến sâu rộng đến các đối tượng thụ hưởng và nhanh chóng đưa vào trợ lực cho kinh tế Tỉnh phục hồi và phát triển.

4. Triển khai Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025 và các giải pháp định hướng sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch nhằm bảo đảm các điều kiện xuất khẩu nông sản theo phương thức và thông lệ mua bán hàng hoá của thị trường trong nước và quốc tế. Tiếp tục hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP theo hướng chuẩn hoá quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng, cải tiến bao bì, xây dựng nhãn hiệu, thực hiện truy xuất nguồn gốc, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Tăng tốc triển khai nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và mô hình "*Làng thông minh*". Hoàn thành kế hoạch sản xuất lúa vụ Hè Thu năm 2022, triển khai các biện pháp bảo vệ sản xuất vụ Thu Đông năm 2022 và kế hoạch xuống giống vụ Đông xuân 2022 - 2023.

Tiếp tục theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác và hội quán, thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác.

5. Tập trung triển khai các giải pháp tái cơ cấu ngành Công nghiệp. Theo dõi sát tình hình phục hồi và tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phục hồi chuỗi cung ứng, tạo năng lực sản xuất mới. Thường xuyên đối

thoại, tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã kết nối tiêu thụ, tiếp cận vốn, nâng cao năng lực ứng dụng thương mại điện tử, tham gia các chương trình đổi mới công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới quy trình sản xuất. Tận dụng tốt các cơ hội mở cửa thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, tăng cường quản lý nhập khẩu.

Thúc đẩy phát triển du lịch trong điều kiện bình thường mới theo tinh thần "*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*". Tăng cường truyền thông, giới thiệu điểm đến, khai thác hiệu quả mùa du lịch hè, du lịch gắn với tổ chức sự kiện lớn trên địa bàn tỉnh. củng cố và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch trọng điểm, gắn với hỗ trợ khôi phục và phát triển du lịch cộng đồng.

6. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên các lĩnh vực. Tăng cường xúc tiến, kêu gọi đầu tư và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các cam kết đầu tư. Tập trung triển khai các giải pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI, DDCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp Tỉnh (PAPI) năm 2021, khẩn trương khắc phục điểm yếu, tồn tại.

Tổ chức Hội nghị Xúc tiến Đầu tư tỉnh Đồng Tháp năm 2022. Tiếp tục rà soát ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh và triển khai dự án đầu tư Xây dựng Không gian khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo Tỉnh. Củng cố hoạt động các Hội quán, phát triển mới hợp tác xã.

7. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cân đối thu - chi ngân sách, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển. Khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trong năm 2022, trung hạn 2021 - 2025, kiểm soát tốt tiến độ dự án đầu tư công, chấn chỉnh các trường hợp chậm tiến độ do chủ quan; tập trung các dự án trọng điểm như: Dự án tuyến đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, Mỹ An - Cao Lãnh.

Đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025, vốn đầu tư thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, công trình sử dụng vốn ODA, vốn vay nước ngoài, các chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm giải ngân hết số vốn được giao, không để phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lãng phí nguồn lực. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch giai đoạn 2021 - 2025 và xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị tại 03 thành phố (*Cao Lãnh, Sa Đéc và Hồng Ngự*). Đúc kết kinh nghiệm, khắc phục ngay những yếu kém trong giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm tỷ lệ giải ngân đạt 100% trong năm 2022.

8. Tổng kết năm học 2021 - 2022 theo quy định. Triển khai công tác chuẩn bị cho năm học 2022 - 2023 bảo đảm khung chương trình và chất lượng, tổ chức nghiêm túc, an toàn các kỳ thi tuyển sinh trên địa bàn tỉnh, nhất kỳ thi

tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022. Tăng cường kết nối cung cầu lao động; thực hiện phần mềm quản lý dữ liệu về lao động, việc làm, cung - cầu lao động trên địa bàn Tỉnh theo quy định, triển khai các hoạt động hỗ trợ, đào tạo nghề, kết nối với doanh nghiệp để giới thiệu việc làm, khuyến khích người dân tham gia Chương trình đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng.

9. Quan tâm nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số. Tuyên truyền và vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Bảo đảm thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách với người có công; chú trọng chăm lo, hỗ trợ cho các đối tượng cơ nhỡ, yếu thế bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Chủ động nắm bắt tình hình tranh chấp lao động để có giải pháp hỗ trợ xử lý kịp thời, hiệu quả, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người lao động.

10. Tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hoá, cách mạng của dân tộc thông qua các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước và của tỉnh. Khôi phục phòng trào thể dục, thể thao trong cộng đồng, trường học, thể thao thành tích; tổ chức Đại hội thể dục thể thao tỉnh Đồng Tháp lần thứ IX năm 2022 dự kiến diễn ra vào tháng 8/2022.

11. Tăng cường công tác quản lý khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên, khoáng sản. Thúc đẩy triển khai các mô hình thu gom rác thải ở khu vực nông thôn, tăng cường bảo vệ môi trường ở các khu, cụm công nghiệp, cơ sở y tế và trong sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành. Chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống cháy rừng trong mùa khô, thích ứng với biến đổi khí hậu.

12. Đấu tranh phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, nhất là liên quan tới công tác phòng chống dịch, giá cả nguyên vật liệu, xăng dầu. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn; giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng quy định các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ mới phát sinh, không để trở thành điểm nóng; tăng cường trao đổi, phối hợp giữa các cơ quan và địa phương, tạo sự thống nhất trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài.

13. Nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các chủ trương, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Chỉ đạo bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; tăng cường tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa cháy nổ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Mở đợt cao điểm tấn công tội phạm và bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong dịp Lễ lớn. Tiếp tục quán triệt, nghiêm túc triển khai các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của các Ban Chỉ đạo 138, 389 quốc gia trong công tác phòng, chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Tăng cường công tác đối ngoại, chú trọng bảo đảm an ninh khu vực biên giới.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Tỉnh phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết, huy động người dân, đoàn viên, hội viên chung sức phấn đấu, tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo niềm tin và động lực tham gia sản xuất, kinh doanh góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh trong 6 tháng cuối năm 2022. Các cơ quan truyền thông đưa tin, phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác tình hình kinh tế - xã hội, các chủ trương của Đảng, chính sách của Tỉnh, nhất là những vấn đề dư luận quan tâm để tuyên truyền, định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận cao của xã hội./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- TT/TU; TT/HĐND Tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT/UBND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Chuyên viên VPUBND Tỉnh;
- Lưu: VT, THVX (Thư).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa

Phụ lục 1
PHÂN TÍCH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND Tỉnh)

Theo kết quả công bố của Tổng Cục Thống kê, ước tính tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng đầu năm 2022 của tỉnh Đồng Tháp đạt **3,83%** (cùng kỳ năm trước tăng 4,44%), cụ thể: Khu vực Nông, Lâm và Thủy sản giảm **0,45%**; Khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng **7,09%**, trong đó Công nghiệp tăng 7,32%, Xây dựng tăng 6,02%; Khu vực Thương mại - Dịch vụ tăng **5,45%** (trong đó, Thuế sản phẩm ước tính tăng 5,31%).

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, 2021 VÀ 2022
(Tính theo giá so sánh 2010)

	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022
Tăng trưởng chung (%)	6,54	4,44	3,83
- Khu vực Nông - Lâm - Thủy sản	2,82	2,73	-0,45
- Khu vực Công nghiệp - Xây dựng	10,29	4,69	7,09
+ Công nghiệp	10,65	4,63	7,32
+ Xây dựng	8,62	4,97	6,02
- Thương mại - Dịch vụ	7,58	5,73	5,45
+ Thuế sản phẩm	8,32	3,98	5,31

*** Đóng góp cho tăng trưởng chung của Tỉnh ở từng khu vực 6 tháng đầu năm 2022 như sau (tính theo giá so sánh 2010):**

- Khu vực Nông - Lâm - Thủy giảm **41.467** triệu đồng làm giảm tăng trưởng chung **0,16%**;

- Khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng **467.806** triệu đồng đóng góp **1,76%** vào tăng trưởng chung;

- Khu vực Thương mại - Dịch vụ (kể cả thuế sản phẩm) tăng **592.411** triệu đồng đóng góp **2,23%** vào tăng trưởng chung, đóng vai trò chủ đạo khi đóng góp chính vào mức tăng trưởng chung.

*** Phân tích cụ thể yếu tố tác động tăng trưởng kinh tế từng khu vực:**

- **Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:** Do trong vụ Đông Xuân diện tích gieo trồng lúa giảm, mặc dù năng suất có tăng lên nhưng sản lượng toàn vụ vẫn giảm so với năm trước nên dẫn đến tăng trưởng của riêng **ngành nông nghiệp giảm 2,27%** và chung toàn khu vực giảm 0,45% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với ngành thủy sản, nhờ giá cá tăng lên từ cuối năm 2021 có lợi cho người nuôi trồng nên sản lượng nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu đều tăng lên so với cùng kỳ năm trước dẫn đến **tăng trưởng của ngành thủy sản đạt 7,45%**.

- **Khu vực công nghiệp - xây dựng:** Sự phục hồi mạnh mẽ của ngành công nghiệp sau dịch bệnh COVID-19 đặc biệt là **ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng trưởng ước đạt 6,82%** đã góp phần đưa tăng trưởng của sản xuất công nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 7,32%. Trong tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò là động lực dẫn dắt tăng trưởng với mức tăng 6,82% so với cùng kỳ năm trước đã **đóng góp 1,33%** vào tăng trưởng chung của cả Tỉnh.

Khu vực xây dựng dù gặp nhiều khó khăn do biến động của giá vật liệu xây dựng nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng khá trong 6 tháng đầu năm 2022 với mức tăng 6,02%.

- **Khu vực thương mại - dịch vụ (kể cả thuế):** có mức tăng trưởng 5,45%; trong đó Bán lẻ tăng 6,83%, Dịch vụ ăn uống tăng 9,54%. Tăng trưởng của một số ngành dịch vụ khác như sau: Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,95%; Thông tin và truyền thông tăng 5,53%; bán buôn và bán lẻ tăng 4,79%; ngành vận tải đường bộ giảm 10,19% ... Nhìn chung hầu hết các ngành dịch vụ đã phục hồi mạnh sau dịch bệnh và gần trở về mức bình thường trước dịch bệnh.

* **Đánh giá chung:** tăng trưởng của 6 tháng đầu năm 2022 tăng chậm hơn so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,45% so với cùng kỳ; khu vực công nghiệp - xây dựng phục hồi tăng trưởng mạnh mẽ sau dịch bệnh (*cao hơn 2,4% so với 6 tháng đầu năm 2021*); khu vực thương mại - dịch vụ có mức tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2022 thấp hơn so với cùng kỳ (*thấp hơn 0,28% so 6 tháng đầu năm 2021*).

Tình hình kinh tế của Tỉnh phục hồi mạnh mẽ sau dịch bệnh thể hiện qua tăng trưởng GRDP của Quý II/2022 (*tăng 7,85% so với cùng kỳ*) cao hơn nhiều so với Quý I/2022 (*tăng 0,94% so với cùng kỳ*). Cụ thể như sau:

	Quý I/2022 (sơ bộ)	Quý II/2022 (ước tính)	6 tháng đầu năm 2022 (ước tính)
Tăng trưởng chung (%)	0,94	7,85	3,83
- Khu vực Nông - Lâm - Thủy sản	-1,80	3,44	-0,45
- Khu vực Công nghiệp - Xây dựng	5,76	8,36	7,09
+ Công nghiệp	5,86	8,75	7,32
+ Xây dựng	5,32	6,66	6,02
- Thương nghiệp - Dịch vụ	1,49	9,45	5,45
+ Dịch vụ	0,87	10,22	5,47
+ Thuế sản phẩm	4,92	5,66	5,31

Phụ lục 2**KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ (GRDP) 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022***(Kèm theo Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND Tỉnh)*

STT	CHỈ TIÊU	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Mục tiêu 6 tháng cuối năm	Mục tiêu cả năm 2022
I	GRDP (Giá so sánh - triệu đồng)	27.652.584	32.154.154	59.806.738
	- Khu vực nông, lâm và thủy sản	9.112.872	11.429.867	20.542.739
	- Khu vực công nghiệp - xây dựng	7.068.502	7.569.655	14.638.157
	TĐ: + Công nghiệp	5.813.481	6.309.516	12.122.997
	+ Xây dựng	1.255.021	1.260.139	2.515.160
	- Khu vực thương mại - dịch vụ	11.471.210	13.154.632	24.625.842
	TĐ: + Thuế sản phẩm	1.844.715	2.390.602	4.235.317
II	TĂNG TRƯỞNG GRDP (Giá so sánh 2010 - %)	3,83	9,89	7,00
	- Khu vực nông, lâm và thủy sản	-0,45	7,26	3,70
	- Khu vực công nghiệp - xây dựng	7,09	12,32	9,73
	TĐ: + Công nghiệp	7,32	11,94	9,68
	+ Xây dựng	6,02	14,27	10,00
	- Khu vực thương mại - dịch vụ	5,45	10,86	8,27
	TĐ: + Thuế sản phẩm	5,31	13,59	9,83

Phụ lục 3
BIỂU KẾT QUẢ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ CHỦ YẾU
6 THÁNG ĐẦU NĂM, MỤC TIÊU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND Tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ước TH 6 tháng đầu năm 2022	Mục tiêu 6 tháng cuối năm 2022
I	Về kinh tế					
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá 2010)	%	2,22	7,0	3,83	9,89
	+ Nông - Lâm - Thủy sản	%	3,14	3,7	-0,45	7,26
	+ Công nghiệp - Xây dựng	%	2,09	9,0	7,09	12,32
	. Công nghiệp	%	2,54	9,2	7,32	11,94
	. Xây dựng	%	-0,05	8,03	6,02	14,27
	+ Thương mại - Dịch vụ	%	1,5	8,70	5,45	10,86
	- Giá trị GRDP (giá 2010)	Tỷ đồng	55.895	59.807	27.653	32.154
	+ Nông - Lâm - Thủy sản	Tỷ đồng	19.810	20.543	9.113	11.430
	+ Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	13.340	14.540	7.069	7.570
	. Công nghiệp	Tỷ đồng	11.053	12.070	5.814	6.310
	. Xây dựng	Tỷ đồng	2.287	2.470	1.255	1.260
	+ Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	22.745	24.723	11.471	13.154
2	GRDP/người (giá thực tế)	Triệu đồng	56,44	61,98	(Cuối năm đánh giá)	Phấn đấu đạt Kế hoạch
		USD	2.412	2.617		
3	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	7.213	6.819	4.198	2.702
4	Huy động vốn đầu tư phát triển so với GRDP	%	20,95	23,43	20,45	26,01
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	38,5	39	38,8	39
6	Giá trị xuất khẩu hàng hoá (không tính hàng hoá tạm nhập tái xuất)	Triệu USD	1.097	1.185	834	850
II	Về Văn hoá - Xã hội					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ước TH 6 tháng đầu năm 2022	Mục tiêu 6 tháng cuối năm 2022
7	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	48,2	46,6	(Cuối năm đánh giá)	Phấn đấu đạt Kế hoạch
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71,8	73,6	72,13	73,6
	Trong đó, đào tạo nghề	%	51,4	52,8	51,65	52,8
9	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025)	%	0,57	1,0	(Cuối năm đánh giá)	(Vượt kết quả TH 2021)
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo chiều cao (theo kết quả cân của Tỉnh)	%	16,07 ^(*)	16,41	(Cuối năm đánh giá)	(Vượt kết quả TH 2021)
11	Số giường bệnh/vạn dân	GB	29	29,1	29	29,1
	Trong đó, giường bệnh công lập	GB	26,1	26,2	26,1	26,2
12	Số bác sĩ/vạn dân	BS	9,31	9,6	9,31	9,6
13	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	92,42 ^(*)	92	(Cuối năm đánh giá)	(Vượt kết quả TH 2021)
14	Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới (số lũy kế)	xã	97	107	103	109
	Trong đó:					
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (số lũy kế)	xã	0	21	10	16
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã	0	1	0	1
15	Đơn vị cấp huyện cơ bản đạt chuẩn NTM	Đơn vị	5	8	0	8
16	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	9	7	3	4
17	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	12,08	13,99	12,2	13,99
	Trong đó:					
	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH bắt buộc so với lực	%	9,56	10,78	10,1	10,78

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Ước TH 6 tháng đầu năm 2022	Mục tiêu 6 tháng cuối năm 2022
	lượng lao động trong độ tuổi					
	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH tự nguyện so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	2,52	3,21	2,5	3,21
18	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	8,58	9,76	9,15	9,76
III	Về môi trường					
19	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	99,2	99,4	99,2	99,4
20	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch	%	86	88	86	88
21	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý	%	84	86	85	86
22	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	85	92	88	92

Ghi chú

(*) Chỉ tiêu số 10 và 13 được rà soát, đánh giá bổ sung theo báo cáo của Sở Y tế.

Số liệu chưa tính toán được trong 6 tháng đầu năm do chỉ tiêu được quy định thống kê, điều tra vào thời điểm cuối năm (dân số, lao động, hộ nghèo, bảo hiểm y tế).

- Dân số năm 2021 ước tính: 1.601.314 người
- Dân số năm 2022 ước tính: 1.602.200 người
- Tỷ giá USD và VND theo tỷ giá hối đoái bình quân:
 - + Năm 2021 (ước tính): 23.400
 - + Năm 2022 (ước tính): 23.600

Phụ lục 4
BIỂU ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022,
DỰ KIẾN MỤC TIÊU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 148 /BC-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của UBND Tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
A	B	1	2	3		4		5	6	7=6/2	8=6/3	9=6/5	10	11
I	MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐIỀU HÀNH VĨ MÔ													
1	Cân đối ngân sách							(Không đặt mục tiêu)						
a)	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm bổ sung từ NSTW)	Tỷ đồng	4.448	4.485	7.213	6.819	2.185		4.198	94,37	93,59		2.701	6.900
	Trong đó:													
	Thu nội địa	Tỷ đồng	4.411	4.396	7.016	6.709	2.072		4.028	91,31	91,63		2.681	6.670
	Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	37	90	197	110	113		170	456,78	189,54		20	230
b)	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	5.866	5.374	12.524	12.793	4.010		5.631	95,99	104,78		6.396	13.038
	Trong đó:													
-	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	1.007	474	1.978	3.375	202		1.110	110,27	234,32		1.687	3.526

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
-	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	Tỷ đồng	3.604	3.678	9.573	9.141	1.821		4.424	122,73	120,27		4.570	9.169
2	Chỉ số giá tiêu dùng													
3	Tỷ lệ đô thị hoá	%	36,5	38,0	38,5	39,0	38,8	(Không đặt mục tiêu)	38,8				39,0	39,0
II	TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ													
1	- Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá 2010)	%	6,54	4,44	2,22	7,00	0,94	6,71	3,83				9,89	7,00
	+ Nông - lâm - thủy sản	%	2,82	2,73	3,14	3,70	-1,8	1,39	-0,45				7,26	3,70
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	10,29	4,69	2,09	9,00	5,76	8,87	7,09				12,32	9,73
	. Công nghiệp	%	10,65	4,63	2,54	9,20	5,86	8,48	7,32				11,94	9,68
	. Xây dựng	%	8,62	4,97	-0,05	8,03	5,32	10,72	6,02				14,27	10,00
	+ Thương mại - dịch vụ	%	7,58	5,73	1,50	8,70	0,87	9,77	5,45				10,86	8,27
	TĐ: Thuế sản phẩm	%	8,32	3,98	5,51		4,92	7,00	5,31				13,59	9,83
	- Giá trị GRDP (giá 2010)	Tỷ đồng	25.051	26.632	55.895	59.807	16.400	28.448	27.653	110,39	103,83	97,21	32.154	59.807

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
	+ Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	8.538	9.154	19.810	20.543	6.912	9.134	9.113	106,73	99,55	99,77	11.430	20.543
	+ Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	6.154	6.601	13.340	14.540	3.424	7.411	7.069	114,87	107,09	95,38	7.570	14.638
	. Công nghiệp	Tỷ đồng	5.076	5.417	11.053	12.070	3.027	6.096	5.813	114,52	107,32	95,37	6.310	12.123
	. Xây dựng	Tỷ đồng	1.077	1.184	2.287	2.470	399	1.315	1.255	116,51	106,02	95,45	1.260	2.515
	+ Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	10.359	10.879	22.745	24.723	6.075	11.903	11.471	110,73	105,45	96,37	13.155	24.326
	TĐ: Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	1.565	1.752	3.856		1.063	1.815	1.845	117,87	105,31	101,65	2.391	4.235
2	GRDP/người (giá thực tế)	Triệu đồng						61,98						
3	Huy động vốn đầu tư phát triển so với GRDP	%	22,10	19,59	20,95	23,43			20,45				26,01	23,43
4	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	8.173	7.844	18.127	23.272	4.923	(Không đặt mục tiêu)	9.401	115,03	119,85		13.871	23.272
III	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN													
1	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	22.917	20.842	45.449	47.312	14.855	21.078	20.850	90,98	100,04	98,92	26.465	47.315
	Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp	Tỷ đồng	16.559	15.578	33.361	34.151	12.321	15.004	15.425	93,15	99,01	102,80	18.708	34.132

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
	Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp	Tỷ đồng	245	229	460	469	569	234	236	96,50	103,13	100,85	234	471
	Giá trị sản xuất ngành thủy sản	Tỷ đồng	6.113	4.829	11.628	12.692	117	5.840	5.189	84,89	107,45	88,85	7.523	12.712
2	Một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu													
10	Lúa cả năm	ha	205.211	196.063	491.000	504.380	189.125		189.264	92,23	96,53		315.116	482.863
	Năng suất	tạ/ha	70	73,19	6,92	65,46	72		73,33	104,76	100,19			
	Sản lượng	nghìn tấn	1.436	1.435	340	3.214	1.361	1.368	1.388	96,62	96,72	101,5	1.846	3.193
b)	Ngô	ha	2.884	2.226	3.875	4.054	1.009		2.561	88,80	115,05		858	3.419
	Năng suất	tạ/ha	80	95	91	91	95		95	118,75	100,00		95	95
	Sản lượng	nghìn tấn	23	13,736	35,326	37	10		9,626	41,72	70,08		21,320	32,543
c)	Hoa kiểng	ha	1.096	1.401	2.939	3.020	585	1.304	1.530	139,60	109,21	117,3	1.702	2.766
d)	Một số cây lâu năm													
	+ Cam, chanh, quýt	ha	7.734	7.600	8.000	8.270	7.345		7.622	98,55	100,29		7.740	7.740
		Nghìn tấn	95	74,591		161	48		75,504	79,21	101,22		82,504	161,007
	+ Nhãn	ha	4.761	5.500	5.600	5.750	5.100		4.612	96,87	83,85		4.700	4.700

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
		Nghìn tấn	25	37	55,717	58,659	11,930		31,986	127,94	85,73		19,357	58,659
	+ Xoài	ha	9.648	12.500	13.688	14.222	13.838		13.912	144,20	111,30		14.222	14.222
		Nghìn tấn	76	96,652	134,570	147,446	56	97,044	101,738	133,08	105,26	104,84	44,234	147,446
d)	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu													
-	Đàn trâu	con	3.038	3.837	4.797	5.211	3.500		3.712	122,19	96,74		4.318	5.667
-	Đàn bò	con	49.542	55.258	74.564	76.810	50.310		57.982	117,04	104,93		62.300	81.840
-	Đàn heo	con	607.804	230.010	460.378	499.654	170.91 1		249.689	41,08	108,56		346.587	481.868
-	Đàn gia cầm	1.000 con	7.556	7.985	10.820	11.292	6.849		9.607	127,14	120,31		8.345	11.495
	Trong đó, tổng đàn vịt lủy kể	1.000 con	38.494	5.178	6.632	7.360	4.395	5.300	5.357	13,92	103,46	101,08	5.442	7.117
3	Thủy sản													
-	Tổng sản lượng thủy sản	Nghìn tấn	310	315,302	603,288	616,150	118,00 0		333,148	107,33	105,66		366,350	631,150
+	Sản lượng khai thác thủy sản	Nghìn tấn	6,8	5,460	19,308	19,300	3,000		6,076	89,35	111,28		13,600	19,300
+	Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Nghìn tấn	304	309,874	583,980	596,850	115,00 0		327,072	107,73	105,55		352,750	611,850
	. Cá tra	nghìn tấn	298	190,134	486,120	495,000	95,000	217,800	210,000	70,47	110,45	96,42	290,000	500,000

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
4	Số sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên	sp	0	161	265	315	265		265	-	164,6			
IV	CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP													
1	Giá trị sản xuất công nghiệp so với cùng kỳ (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	29.510	33.505	61.005	66.620	6.005	33.643	35.846	121,47	106,99	106,55	36.000	71.846
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	66	51	130	140	14		85	128,79	166,67		85	170
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	29.259	33.227	60.110	65.652	5.934		35.411	121,03	106,57		35.555	70.966
	- Sản xuất và phân phối điện	Tỷ đồng	76	105	399	433	35		215	282,89	204,76		220	435
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	109	121	367	395	22		135	123,85	111,57		140	275
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp so với cùng kỳ (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	107,50	103,50	92,01	(Không đặt mục tiêu)	103,13	(Không đặt mục tiêu)	106,85					
	- Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	135,33	78,66	77,08		122,09							
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	106,73	102,99	91,21		101,99							
	- Sản xuất và phân phối điện	Tỷ đồng	115,36	113,48	102,65		101,69							
	- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	115,84	105,43	104,88		148,88							
3	Một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu													
	- Cát khai thác	1000	3.946	3.081	2.352	6.700	2.482	3.384	4.745	120,25	154,01	140,22	5.000	9.745

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
		m3												
	- Thủy sản chế biến (cá phile đông lạnh)	tấn	166.758	172.133	321.272	300.000	102.941	151.500	205.880	123,46	119,61	135,89	200.000	405.880
	- Gạo xay xát, lau bóng	nghìn tấn	1.568	612,248	2.874	2.500	315	1.263	692,291	44,15	113,07	54,81	1.800	2.492
	- Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự	tấn	8.470	9.476	18.078	17.500	5.207	8.838	12.606	148,83	133,03	142,63	12.500	25.106
	- Thức ăn gia súc, thủy sản	Nghìn tấn	958,9	960,6	1.631,3	2.050	373,5	1.035,3	848,2	88,45	88,30	81,93	900	1.748,2
	- Thuốc lá điều có đầu lọc	1000 gói	33.572	17.287	43.039	46.000	12.027	23.230	29.769	88,67	172,20	128,15	30.000	59.769
	- Sản phẩm may	1000 cái	3.988	4.328	8.568	7.000	1.910	3.535	3.954	99,15	91,36	111,85	4.000	7.954
	- Thuốc viên các loại	tr.viên	975	907	2.035	1.700	270	859	591	60,62	65,16	68,80	700	1.291
	- Các bộ phận của dây dép bằng da, tấm lót bên trong có thể tháo rời ...	1000 đôi	607	2.235	1.788	3.500	952	1768,00	2.280	375,62	102,01	128,96	2.300	4.580
	- Bia	100 lít	5.137	10.747	20.581	20.000	5.628	10.100	10.981	213,76	102,18	108,72	11.000	21.981
V	CÁC CHỈ TIÊU THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ													
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	46.721	49.710	94.195	104.150	27.805	50.513	54.671	117,02	109,98	108,23	55.000	109.671
	- Bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	36.845	41.063	75.443	87.543	21.938		45.002	122,14	109,60		45.291	90.293
	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	6.540	7.457	12.296	11.600	4.086		8.381	128,14	112,39		8.400	16.781
	- Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	25	9	17	7	3		8	32,98	92,54		9	17

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
	- Dịch vụ khác	Tỷ đồng	3.311	1.182	6.439	5.000	1.178		1.280	38,64	108,23		1.300	2.580
VI	XUẤT, NHẬP KHẨU													
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu <i>(Không tính xăng dầu tạm nhập, tái xuất)</i>	triệu USD	475	529,05	1.098	1.185	367	580,7	834,03	175,59	157,65	143,64	850,00	1.684,0
	<i>Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu</i>													
	- Thủy sản chế biến	triệu USD	364,7	347,34	723,55	766	248,83		594,4	162,99	171,12		605,65	1.200,00
	- Gạo	triệu USD	50,2	57,02	163,50	165	46,76		85,51	170,26	149,96		89,49	175,00
	- Bánh phồng tôm, bánh kẹo, ngũ cốc	triệu USD	7,9	8,45	16,12	18	4,94		9,65	121,63	114,14		9,35	19,00
	- Sản phẩm ngành may	triệu USD	24,5	49,44	114,37	125	39,86		85,32	347,68	172,57		84,68	170,00
	- Hàng hoá khác	triệu USD	124,4	148,50	257,99	112	90,67		218,90	175,99	147,41		210,83	429,73
2	Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD	218,76	175,41	447	480	151,91	235,2	347,56	158,88	198,14		352,44	700,00
	<i>Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</i>													
	- Xăng dầu	triệu USD	135,64	88,47	180,76	195	86,23		202,97	149,64	229,42		197,03	400,00
	- Nguyên liệu SX tân dược	triệu USD	17,08	11,98	27,56	30	5,64		9,20	53,87	76,80		12,80	22,00
	- Vải may mặc	triệu USD	9,78	26,63	68,87	75	12,72		31,42	321,29	117,99		38,58	70,00
	- Mặt hàng khác	triệu USD	56,25	48,33	169,99	180	47,32		103,97	184,83	215,12		104,03	208,00

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
	- Xuất nhập khẩu biên mậu	triệu USD	54,87	96,94	194,98		72,69		158,00	287,95	162,99		157,00	315,00
	. Xuất khẩu:	triệu USD	40,81	40,18	83,94		23,20		47,00	115,17	116,97		48,00	95,00
VII	VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG													
1	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%			48,20	46,6								46,60
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	64,25	70,20	71,80	73,6			72,13					73,60
	Trong đó, đào tạo nghề	%	46,20	51,44	51,40	52,8			51,65					52,80
3	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025)	%			0,57	1,0							0,4	0,4
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo chiều cao (kết quả cân của Tỉnh)	%	17,09	16,61	16,07	16,41	16,07		16,07				16,41	16,41
5	Số giường bệnh/vạn dân	GB	25,9	28,3	29,0	29,1	29,0		29,0	111,97	102,47		29,1	29,1
	Trong đó, giường bệnh công lập	GB	23,8	26,0	26,1	26,2	26,1		26,1	109,66	100,38		26,2	26,2
6	Số bác sĩ/vạn dân	BS	8,86	9,10	9,31	9,6	9,31		9,31	105,08	102,31		9,6	9,6
7	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	82,66	90,82	92,42	92	92,42		91,04				92	92

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
8	Số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới	xã			97	107			6				6	109
	Trong đó:													
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã			0	21			10				16	26
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã			0	1			0					1
9	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Đơn vị			5	8			0					8
10	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	11	3	4	7	3		3	27,27	100,00		4	7
11	Số hội quán	Hội quán		112	115				116					
12	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH so với lực lượng lao động trong độ tuổi		10,54	12,05	11,85	13,99	11,66		12,20				1,79	13,99
	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH bắt buộc so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	10,03	9,95	9,72	10,78	9,91		10,10				0,68	10,78
	Tỷ lệ đối tượng tham gia BHXH tự nguyện so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	0,51	2,10	2,13	3,21	1,75		2,50				1,11	3,21
13	Tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	8,75	8,98	8,76	9,76	8,97		9,15				0,61	9,76

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
14	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	98,6	99,0	99,2	99,4	99,2	(Không đặt mục tiêu)	99,2				99,4	99,4
15	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch	%			86	88			86					88
16	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý	%	75	82	84	86	85		85				86	86
17	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	80	83	85	92	88		88				92	92
VIII	PHỤC HỒI SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ (TƯ NHÂN & ĐẦU TƯ CÔNG)													
1	Về phát triển doanh nghiệp							(Không đặt mục tiêu)						
	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	252	304	490	630	232		390	154,76	128,29		300	690
	Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới	Tỷ đồng	2037	2.535	4.248		1903		3.000	147,28	118,34		2400	5.400
	Doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động	DN	116	155	219		152		170	146,55	109,68		50	220
	Doanh nghiệp giải thể	DN	64	122	486		52		70	109,38	57,38		50	120
	Doanh nghiệp hoạt động trở lại	DN	65	103	160		118		130	200,00	126,21		40	170
2	Đầu tư tư nhân													
	Tổng số hồ sơ dự án tiếp nhận	hồ sơ	55	76	86		28		47	85,45	61,84			
	Số dự án cấp GCNĐKĐT	Dự án	18	13	20	25	6	-	10	55,56	76,92	-	16	25

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 6 tháng đầu năm 2019	TH 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch 2022	TH Quý I/2022	6 tháng đầu năm 2022					Mục tiêu 6 tháng và cả năm 2022	
								Theo kịch bản tăng trưởng 6T2022	Ước thực hiện	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	So với kịch bản 6T2022 (%)	6 tháng cuối năm 2022	Cả năm 2022
	Tổng vốn đăng ký đầu tư	Tỷ đồng	1.632	835	3.345	3.345	320	-	1.216	74,51	145,63	-	2.129	3.345
	Trong đó, số dự án FDI	Dự án	-	1	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	.Tổng vốn	triệu USD	-	93	1.045	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022													
	Tổng kế hoạch vốn đã phân khai	Tỷ đồng	3.348	4.929	4.942	4.891	4.700		4.891	146,10	99,23		4.891	4.891
	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	588	806	3.784	4.891	423		1.408	239,53	174,61		3.483	4.891
	Tỷ lệ giải ngân	%	17,56	16,36	76,56	100	9,01		28,79				71,21	100
4	Phục hồi và đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình, dự án sử dụng vốn NSNN	công trình												
	Tổng số công trình đến thời điểm báo cáo (03/6/2022)						399		1067					
	+ Các công trình đang hoàn thiện thủ tục	công trình					523		386					100% công trình triển khai thi công
	+ Các công trình đang thi công	công trình					5		540					
	+ Các công trình đang tạm ngưng thi công	công trình					125		3					